

Bản án số: **551/2024/HNGĐ-ST**
Ngày 16 tháng 8 năm 2024
“*V/v Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Hiền V**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Huỳnh Thị Thanh H**

2. Ông **Ninh Công V**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hồng L** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:*
Ông **Trần Hoàng Đ** - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐHPT-HNGĐ ngày 26/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc N** - Sinh năm 2001; Địa chỉ: Tổ 16 Vĩnh Hưng (Số mới: Số 1 ngõ 51 Vĩnh Hưng) phường V, quận H, thành phố H. (*Có mặt tại phiên tòa*)

- *Bị đơn:* Anh **Trần Trọng H** - Sinh năm 1996; Địa chỉ: 1** nhà 1**Đ M, phường M, quận H, thành phố H. (*Vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; nguyên đơn - Chị Nguyễn Ngọc N trình bày:*

- Về tình cảm: Chị và anh Trần Trọng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận H, thành phố H ngày 03/7/2020, không tổ chức đám cưới do dịch Covid. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống khá bình ổn, mặc dù cũng có nhiều mâu thuẫn trái chiều trong quá trình sinh hoạt. Đến năm 2024, quan hệ giữa 2 vợ chồng ngày càng trở nên xấu hơn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2024 cho đến nay. Thời điểm hiện tại

giữa 2 vợ chồng đã không còn thể đối thoại được với nhau. Từ những mâu thuẫn trên, đến nay chị xác định tình cảm với anh H không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng giải quyết cho ly hôn với anh H.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Trọng N, sinh ngày 26/6/2022. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N vì từ trước tới nay, chị luôn là người đồng hành và theo sát các hoạt động học tập, vui chơi cũng như các hoạt động khác của cháu. Chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và công nợ: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những yêu cầu trên, chị N không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, thông báo anh H đến Tòa án làm việc nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Anh H cũng không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N.

Đại diện Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương để tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H hiện không sinh sống tại nơi đăng ký thường trú. Gia đình anh H từ chối làm việc với Tòa án.

Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã lập biên bản trao đổi với ông Nguyễn Việt H (tổ trưởng tổ dân phố số 5 phường M), xác minh tại công an phường M - nơi anh H đăng ký hộ khẩu thường trú.

Ngoài ra Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại Công an phường H - nơi bố mẹ anh H sinh sống, xác minh tại Công an phường H và lập biên bản làm việc đối với chủ hộ kinh doanh nơi làm việc của anh H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn - Chị Nguyễn Ngọc N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh Trần Trọng H. Chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung nhưng rút yêu cầu đề nghị Tòa án buộc anh H cấp dưỡng 6.000.000 đồng/tháng tiền nuôi dưỡng con chung. Chị trình bày vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Trần Trọng H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; việc tuân theo pháp luật tố tụng

của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Toà án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; Thực hiện đúng các thủ tục tố tụng; Việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử; thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, điều hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục; Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định, các quyền trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc N được ly hôn với Anh Trần Trọng H.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Trọng N cho chị Nguyễn Ngọc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H có quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và công nợ: Chị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, của Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết*: Chị Nguyễn Ngọc N có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Trần Trọng H. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn - anh Trần Trọng H có hộ khẩu thường trú tại 1** nhà 1**Đ M, phường M, quận H, thành phố H. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- *Về trình tự tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Trọng H nhưng anh H đều không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N. Đại diện Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương để tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không có mặt tại nơi đăng ký thường trú, xác minh tại địa phương cũng không ai biết anh H đã chuyển đi đâu, do vậy các văn bản tố tụng được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/7/2024 bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm

căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên toà và ấn định phiên toà tiếp theo mở vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 16/8/2024. Quyết định hoãn phiên toà đã được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà ngày hôm nay, anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh H đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- *Về tình cảm*: Chị Nguyễn Ngọc N và anh Trần Trọng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận H, thành phố H (theo giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 03/7/2020). Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh H và chị N chỉ sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là do không hợp nhau về tính cách lối sống. Hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong công việc cũng như trong mọi vấn đề của cuộc sống. Tháng 02/2024 anh chị đã sống ly thân. Trong thời gian này, anh chị không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, kéo dài làm tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai bên gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt cho anh H thông báo đến Tòa án để trình bày nguyện vọng cũng như hòa giải nhưng anh H đều không đến làm việc, không tham gia các buổi hòa giải, điều đó thể hiện anh H không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân giữa anh chị đã không tồn tại, anh chị đã sống ly thân, cả hai đã không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy có thể cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị cũng không tìm được biện pháp để đoàn tụ. Do đó việc chị Nguyễn Ngọc N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc N đối với anh Trần Trọng H.

- *Về con chung*: Chị N và anh H có 01 con chung là Trần Trọng N, sinh ngày 26/6/2022. Chị N có nguyện vọng là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con

chung.

Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cũng cần phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của con chưa thành niên. Theo quy định của pháp luật: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*.

Xét thấy cháu N còn nhỏ, rất cần sự yêu thương, chăm sóc, nuôi dưỡng từ người mẹ, cháu N từ trước đến nay vẫn do chị N chăm sóc, chị N có công việc và thu nhập ổn định nên giao cho chị N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: tại đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con chung 6.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị N đã rút yêu cầu này, chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Việc rút yêu cầu cấp dưỡng của chị N là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con chung đối với anh H cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 233; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Ngọc N. Chị Nguyễn Ngọc N được ly hôn với anh Trần Trọng H.

2. Về con chung: Xác nhận anh chị có 01 con chung là Trần Trọng N, sinh ngày 26/6/2022. Giao cháu Trần Trọng N cho chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Trần Trọng H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Ngọc N không yêu cầu anh Trần Trọng H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung và công nợ: Chị N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003472 ngày 29/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Ngọc N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần Trọng H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS Q Hai Bà Trưng;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hiền V